TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐIỆN TOÁN

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 25/12/2022 - Giờ thi: 10:00

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC6506	Nguyễn Trường	An	05/9/2001	Vĩnh Long	7.67	9.5	9.5	10.0	9.67	Đạt	
2	BKNC6507	Phạm Thị Vân	Anh	08/11/2001	Ninh Bình	8.0	9.5	9.5	9.0	9.33	Đạt	
3	BKNC6508	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/3/2003	Đồng Nai	8.33	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
4	BKNC6509	Nguyễn Thị Quế	Anh	29/6/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	7.0	9.0	6.5	7.5	Đạt	
5	BKNC6510	Trần Thị Nguyệt	Anh	11/4/2002	Bình Thuận	5.0	9.0	8.5	9.0	8.83	Đạt	
6	BKNC6511	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/8/2002	Thanh Hóa	7.67	9.0	9.0	10.0	9.33	Đạt	
7	BKNC6512	Nguyễn Thị Bích	Châu	27/4/2002	Tây Ninh	6.0	6.0	9.0	5.0	6.67	Đạt	
8	BKNC6513	Nguyễn Thụy Minh	Châu	26/6/2002	Tây Ninh	5.0	7.0	8.0	5.5	6.83	Đạt	
9	BKNC6514	Trần Thị Thanh	Chúc	15/12/2002	Nam Định	5.0	7.5	9.5	5.0	7.33	Đạt	
10	BKNC6515	Đặng Thị Hồng	Đào	01/9/2002	Long An	7.33	9.0	9.0	5.0	7.67	Đạt	
11	BKNC6516	Hoàng Thị Anh	Đào	11/4/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	7.0	8.5	5.5	7.0	Đạt	
12	BKNC6517	Trần Mai Anh	Đào	08/7/2002	Tây Ninh	7.33	6.0	9.0	6.0	7.0	Đạt	
13	BKNC6518	Trần Thị Kim	Đào	22/10/2002	Tây Ninh	7.0	9.5	9.5	8.0	9.0	Đạt	
14	BKNC6519	Mai Thanh	Điền	16/12/2001	Tây Ninh							Vắng
15	BKNC6520	Trần Thị Thúy	Diệu	16/4/2001	Hà Tĩnh	7.67	9.0	9.5	9.0	9.17	Đạt	
16	BKNC6521	Nguyễn Thanh	Duy	09/7/2003	An Giang	9.0	9.5	9.0	10.0	9.5	Đạt	
17	BKNC6522	Lê Thị Mỹ	Duyên	20/12/2002	Tiền Giang	4.33	7.5	5.0	5.0	5.83	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
18	BKNC6523	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	13/7/2001	Tiền Giang	6.67	7.5	6.5	2.5	5.5	Không đạt	
19	BKNC6524	Dương Lâm Lệ	Giang	17/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.5	8.5	7.0	7.67	Đạt	
20	BKNC6525	Nguyễn Thị	Giàu	06/02/2001	Bình Thuận	5.33	5.0	8.0	0.5	4.5	Không đạt	
21	BKNC6526	Nguyễn Thị	Hải	08/12/2000	Thanh Hóa	6.33	9.5	9.5	10.0	9.67	Đạt	
22	BKNC6527	Trần Gia	Hân	09/12/2001	Long An	7.0	7.0	9.0	7.0	7.67	Đạt	
23	BKNC6528	Lâm Thị	Hiền	10/01/2001	Quảng Ngãi	6.0	9.0	9.0	8.0	8.67	Đạt	
24	BKNC6529	Nguyễn Thị	Hiền	08/02/2001	Bình Phước	5.0	9.5	9.0	9.5	9.33	Đạt	
25	BKNC6530	Nguyễn Thị Mai	Hoa	17/02/2003	Bình Định	7.0	8.5	7.5	8.5	8.17	Đạt	
26	BKNC6531	Nguyễn Võ Quỳnh	Hoa	07/02/2003	Long An	7.0	9.0	9.5	8.5	9.0	Đạt	
27	BKNC6532	Trần Thị	Hoa	20/6/2002	Bình Định	7.67	7.0	8.0	7.0	7.33	Đạt	
28	BKNC6533	Phạm Thị Bảo	Hòa	20/10/2001	Quảng Ngãi	7.33	8.0	8.0	6.0	7.33	Đạt	
29	BKNC6534	Trần Huy	Hoàng	04/02/2002	Vĩnh Long	8.33	9.0	8.0	9.5	8.83	Đạt	
30	BKNC6535	Nguyễn Thị Ánh	Huệ	21/01/2001	Quảng Nam	8.67	9.5	10.0	10.0	9.83	Đạt	
31	BKNC6536	Phạm Quốc	Hưng	10/11/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	5.0	9.0	9.0	5.0	7.67	Đạt	
32	BKNC6537	Lê Thị	Hương	27/02/2001	Bình Phước	5.33	7.5	8.5	5.0	7.0	Đạt	
33	BKNC6538	Phạm Thị Mỹ	Hương	14/3/2001	Quảng Ngãi	6.0	8.0	6.0	1.0	5.0	Không đạt	
34	BKNC6539	Trần Thị	Hương	14/9/2002	Bình Thuận	6.67	9.0	9.5	9.0	9.17	Đạt	
35	BKNC6540	Võ Thị Cẩm	Hương	20/11/2002	Tiền Giang	6.67	9.0	9.0	6.5	8.17	Đạt	
36	BKNC6541	Nguyễn Thị Thu	Hường	15/6/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	7.0	4.5	4.0	5.17	Không đạt	
37	BKNC6542	Đặng Lê Thanh	Huyền	04/7/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	9.0	9.0	5.0	7.67	Đạt	
38	BKNC6543	Trần Thanh	Huyền	12/02/2002	Đắk Lắk	5.0	5.0	6.0	5.0	5.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
39	BKNC6544	Nguyễn Thị Như	Kiều	30/10/2001	Bình Định	8.0	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
40	BKNC6545	Võ Thị Hoàng	Lam	06/8/2002	Bến Tre	6.67	6.0	8.0	7.5	7.17	Đạt	
41	BKNC6546	Nguyễn Phan Thùy	Linh	27/10/2001	Nghệ An	3.67	6.0	4.0	1.0	3.67	Không đạt	
42	BKNC6547	Phạm Huyền Thảo	Linh	15/02/2001	Lâm Đồng							Vắng
43	BKNC6548	Trần Thị Mỹ	Linh	26/9/2001	Bình Thuận	5.67	3.0	4.0	5.0	4.0	Không đạt	
44	BKNC6549	Lê Ngọc Phương	Linh	15/11/2003	Đồng Tháp	7.0	10.0	9.5	5.0	8.17	Đạt	
45	BKNC6550	Lê Thị Mỹ	Linh	05/10/2002	Đồng Tháp	6.67	7.0	9.0	5.0	7.0	Đạt	
46	BKNC6551	Nguyễn Thị Phương	Linh	16/10/2003	Hà Tĩnh	5.0	7.0	9.5	7.5	8.0	Đạt	
47	BKNC6552	Phan Nhựt	Linh	20/01/2002	Tây Ninh							Vắng
48	BKNC6553	Trần Thị Khánh	Linh	28/10/2001	Hà Nam	4.33	4.0	5.0	1.0	3.33	Không đạt	
49	BKNC6554	Trần Thị Mỹ	Linh	24/5/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	6.0	8.0	6.5	6.83	Đạt	
50	BKNC6555	Trương Trọng	Luật	12/01/2001	Cà Mau	4.33	4.0	7.0	3.0	4.67	Không đạt	
51	BKNC6556	Lê Thị Trúc	Ly	14/9/2002	Bến Tre	7.0	8.5	9.0	7.5	8.33	Đạt	
52	BKNC6557	Nguyễn Thị Thanh	Mai	01/6/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.5	9.0	7.5	8.67	Đạt	
53	BKNC6558	Nguyễn Thị Xuân	Mai	06/11/2001	Bình Định	6.0	9.0	8.5	8.0	8.5	Đạt	
54	BKNC6559	Phùng Thị Tuyết	Mai	30/4/2002	Long An	6.67	5.0	5.0	7.0	5.67	Đạt	
55	BKNC6560	Nguyễn Thị Minh	Mẫn	05/01/2000	Bình Định	8.33	9.5	10.0	8.0	9.17	Đạt	
56	BKNC6561	Mã Tuyết	Minh	14/5/2002	Kiên Giang	6.67	9.0	9.0	6.5	8.17	Đạt	
57	BKNC6562	Lương Thị	My	19/11/2002	Cần Thơ	8.33	9.0	9.5	9.5	9.33	Đạt	
58	BKNC6563	Phạm Thị Kim	Ngân	17/6/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	
59	BKNC6564	Đỗ Thị Kim	Ngân	09/3/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	8.0	7.0	5.0	6.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
60	BKNC6565	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	18/01/2003	Bến Tre	6.0	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
61	BKNC6566	Võ Thị Thanh	Ngân	20/3/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
62	BKNC6567	Võ Thị Thanh	Ngân	04/4/2002	Long An	6.33	7.5	9.0	6.0	7.5	Đạt	
63	BKNC6568	Trần Hiếu	Nghi	01/12/2002	Vĩnh Long	7.33	7.5	9.0	8.0	8.17	Đạt	
64	BKNC6569	Võ Trọng	Nghĩa	29/9/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	8.5	6.5	8.5	7.83	Đạt	
65	BKNC6570	Đặng Phan Thảo	Ngọc	28/11/2003	Tiền Giang	8.33	7.0	9.0	9.5	8.5	Đạt	
66	BKNC6571	Lê Hồng	Ngọc	22/4/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	9.5	9.0	7.0	8.5	Đạt	
67	BKNC6572	Bùi Trung	Nguyên	29/8/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.0	8.0	5.0	7.0	Đạt	
68	BKNC6573	Trà Thị Hồng	Nguyên	23/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	5.33	7.0	6.0	5.0	6.0	Đạt	
69	BKNC6574	Lê Thị Thanh	Nguyệt	23/12/2001	Gia Lai	7.0	9.0	9.0	6.0	8.0	Đạt	
70	BKNC6575	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	02/01/2002	Quảng Ngãi	7.67	9.0	9.0	8.0	8.67	Đạt	
71	BKNC6576	Nguyễn Lê Thanh	Nhã	22/12/2003	Bình Thuận	6.33	9.5	9.5	8.5	9.17	Đạt	
72	BKNC6577	Nguyễn Thị Mỹ	Nhật	25/5/2001	Bình Định	7.0	9.5	8.0	7.0	8.17	Đạt	
73	BKNC6578	Hà Linh	Nhi	29/8/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	10.0	9.0	7.0	8.67	Đạt	
74	BKNC6579	Lê Phương	Nhi	05/12/2003	Ninh Bình	7.0	8.5	10.0	6.5	8.33	Đạt	
75	BKNC6580	Nguyễn Phan Uyên	Nhi	28/11/2002	Kiên Giang	7.0	10.0	8.5	8.0	8.83	Đạt	
76	BKNC6581	Lưu Cẩm Quỳnh	Như	26/8/2001	Sóc Trăng	8.0	9.5	9.0	5.0	7.83	Đạt	
77	BKNC6582	Lưu Thị Huỳnh	Như	24/5/2002	Trà Vinh	6.0	7.5	8.0	5.0	6.83	Đạt	
78	BKNC6583	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/11/2001	An Giang	5.0	9.5	6.5	5.5	7.17	Đạt	
79	BKNC6584	Đào Thị Hồng	Nhung	24/8/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	7.5	8.5	5.0	7.0	Đạt	
80	BKNC6585	Lương Võ Minh	Nhựt	25/8/2001	Tây Ninh	5.0	9.0	8.5	1.0	6.17	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
81	BKNC6586	Phan Thị Ni	Ni	20/7/2002	Bình Định	5.33	9.0	3.0	1.0	4.33	Không đạt	
82	BKNC6587	Nguyễn Thị	Oanh	17/5/2001	Thanh Hóa	7.33	6.0	9.0	5.0	6.67	Đạt	
83	BKNC6588	Phạm Thị Hoàng	Oanh	03/7/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	9.5	8.5	9.0	Đạt	
84	BKNC6589	Phạm Thị Ngọc	Phú	02/9/2001	Bình Phước							Vắng
85	BKNC6590	Nguyễn Thu	Phương	11/01/2002	Đồng Nai	6.67	6.5	8.0	5.5	6.67	Đạt	
86	BKNC6591	Trần Song	Phương	04/3/2001	Bình Thuận	5.33	9.0	9.0	5.0	7.67	Đạt	
87	BKNC6592	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/11/2000	Bình Phước	6.67	5.0	9.0	5.0	6.33	Đạt	
88	BKNC6593	Bùi Trần Vinh	Quang	11/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	3.33	5.0	8.0	0.0	4.33	Không đạt	
89	BKNC6594	Nguyễn Minh	Quy	28/9/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	8.0	9.5	5.0	7.5	Đạt	
90	BKNC6595	Đặng Thị Như	Quỳnh	23/01/2002	Bình Định	5.67	9.0	7.0	6.0	7.33	Đạt	
91	BKNC6596	La Thị Hồng	Tân	10/11/2002	Quảng Ngãi	5.67	9.0	9.0	5.5	7.83	Đạt	
92	BKNC6597	Nguyễn Trần Bảo	Thanh	24/3/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	6.0	6.0	5.0	5.67	Đạt	
93	BKNC6598	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/5/2001	Đà Nẵng	5.67	8.0	9.0	2.0	6.33	Không đạt	
94	BKNC6599	Trần Thị Thu	Thảo	01/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.67	6.0	5.0	5.0	5.33	Không đạt	
95	BKNC6600	Trang Huỳnh Anh	Thư	20/5/2001	Tây Ninh	5.33	9.0	7.0	1.0	5.67	Không đạt	
96	BKNC6601	Cáp Minh	Thư	10/8/2001	Quảng Nam	8.33	9.0	9.0	6.0	8.0	Đạt	
97	BKNC6602	Nguyễn Thị Anh	Thư	13/10/2002	Tây Ninh	6.0	6.0	9.0	6.0	7.0	Đạt	
98	BKNC6603	Võ Thị Minh	Thư	22/02/2001	Quảng Ngãi	7.0	6.0	8.0	5.0	6.33	Đạt	
99	BKNC6604	Nguyễn Thị	Thương	13/7/2002	Thanh Hóa	7.0	6.0	8.0	6.0	6.67	Đạt	
100	BKNC6605	Phạm Huỳnh Kim	Thương	22/5/2002	Lâm Đồng	8.0	9.0	9.0	7.5	8.5	Đạt	
101	BKNC6606	Lữ Thị Như	Thường	09/7/2001	Bình Thuận	7.0	5.0	8.0	6.0	6.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
102	BKNC6607	Trương Thị Thanh	Thưởng	31/10/2001	Quảng Trị	7.0	5.0	5.0	5.0	5.0	Đạt	
103	BKNC6608	Phạm Xuân	Thưởng	22/5/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	3.67	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt	không TH
104	BKNC6609	Phan Như	Thùy	19/8/2003	Bến Tre	6.67	8.0	7.0	5.0	6.67	Đạt	
105	BKNC6610	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	07/01/2001	Tây Ninh	5.33	5.0	7.0	0.5	4.17	Không đạt	
106	BKNC6611	Trần Ngọc	Tiền	18/3/2001	Tây Ninh	6.67	8.5	6.0	0.0	4.83	Không đạt	
107	BKNC6612	Nguyễn Đức	Tính	10/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.5	8.0	5.0	7.17	Đạt	
108	BKNC6613	Đoàn Thị	Tình	20/10/2001	Quảng Ngãi	6.33	9.0	6.0	6.0	7.0	Đạt	
109	BKNC6614	Nguyễn Ngọc	Trâm	30/3/2001	Tây Ninh	6.33	8.0	9.0	3.0	6.67	Không đạt	
110	BKNC6615	Ngô Huỳnh Bích	Trâm	06/5/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.0	5.0	5.0	5.67	Đạt	
111	BKNC6616	Nguyễn Bích	Trâm	24/8/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	3.0	6.0	1.0	3.33	Không đạt	
112	BKNC6617	Trần Huỳnh Bảo	Trâm	02/11/2002	Bình Định	8.0	7.0	8.5	6.0	7.17	Đạt	
113	BKNC6618	Võ Thị Minh	Trâm	02/12/2001	Quảng Ngãi	6.67	6.0	9.0	5.0	6.67	Đạt	
114	BKNC6619	Nguyễn Quỳnh	Trâm	20/5/2001	Đồng Nai	7.67	9.5	10.0	9.0	9.5	Đạt	
115	BKNC6620	Lê Bảo	Trân	06/7/2001	An Giang	7.67	8.5	7.0	3.0	6.17	Không đạt	
116	BKNC6621	Nguyễn Huỳnh Minh	Trân	16/5/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	7.5	5.5	7.17	Đạt	
117	BKNC6622	Lê Bảo	Trân	02/6/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.0	9.5	9.0	5.5	8.0	Đạt	
118	BKNC6623	Nguyễn Mỹ	Trang	28/7/2001	Quảng Ngãi							Vắng
119	BKNC6624	Đặng Thị Thu	Trang	20/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.5	6.5	10.0	8.67	Đạt	
120	BKNC6625	Hoàng Thị Thùy	Trang	07/5/2001	Thanh Hóa							Vắng
121	BKNC6626	Bế Thị Kiều	Trinh	16/02/2002	Phú Yên	7.0	9.0	7.0	5.0	7.0	Đạt	
122	BKNC6627	Trì Nguyễn Hoàng	Tú	27/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.0	9.5	6.5	8.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
123	BKNC6628	Cao Phương	Tuyền	13/8/2002	Lâm Đồng	9.0	9.5	9.0	9.0	9.17	Đạt	
124	BKNC6629	Hoàng Lê Thanh	Tuyền	10/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.0	9.0	6.0	7.33	Đạt	
125	BKNC6630	Lê Đặng Phương	Uyên	20/10/2002	Tây Ninh	7.33	7.0	8.5	5.0	6.83	Đạt	
126	BKNC6631	Nguyễn Thanh Kiều	Vi	16/4/2002	Bình Định	5.0	3.0	4.0	4.0	3.67	Không đạt	
127	BKNC6632	Nguyễn Thị	Vượng	19/01/2001	Nghệ An							Vắng
128	BKNC6633	Mai Thúy	Vy	03/6/2002	Tây Ninh	6.33	7.0	5.5	5.0	5.83	Đạt	
129	BKNC6634	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	06/5/2000	Ninh Thuận	8.67	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
130	BKNC6635	Nguyễn Thúy	Vy	17/01/2001	Cà Mau	8.67	8.0	9.5	5.5	7.67	Đạt	
131	BKNC6636	Trần Lan	Vy	04/11/2002	Tây Ninh	8.0	6.0	7.0	5.0	6.0	Đạt	
132	BKNC6637	Trần Thị Linh	Xuân	12/6/2003	Bình Thuận	7.33	9.0	9.5	8.0	8.83	Đạt	
133	BKNC6638	Nguyễn Hoàng	Yến	27/8/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.5	9.0	6.0	7.83	Đạt	

Ghi chú: *Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm trung bình (TB) >=5 (yêu cầu các điểm thành phần >=5)*

Số lượng thí sinh: **133** **Số thí sinh đạt:** **104**

Số lượng hiện diện: **126**

Thư ký Hội đồng **Chủ tịch Hội đồng**

ThS. Ngô Quang Nhựt **PGS. TS Thoại Nam**